

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
03 THÁNG NĂM 2026**

Căn cứ Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Bệnh viện đa khoa Ninh Thuận công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 03 tháng năm 2026 như sau:

ĐV tính: đồng

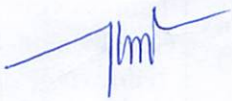
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
I	Tổng số thu	970.144.486.000	183.795.401.889	18,95%	119,01%
1	Ngân sách Nhà nước	4.251.000.000	2.354.100.000	55,38%	303,13%
2	Dịch vụ y tế	847.664.406.000	163.270.700.239	19,26%	119,26%
3	Thu khác (hoạt động dịch vụ)	118.229.080.000	18.170.601.650	15,37%	108,49%
II	Tổng chi	970.144.486.000	176.876.169.818	18,23%	124,64%
A	Tổng chi thường xuyên	967.870.850.000	176.463.985.187	18,23%	124,95%
	Nhóm 1: Chi thanh toán cho cá nhân	191.482.646.000	59.639.463.375	31,15%	108,81%
1	Tiền lương	56.276.562.000	20.494.788.715	36,42%	103,43%
2	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	15.486.345.000	6.396.738.102	41,31%	128,02%
3	Phụ cấp lương	98.816.499.000	24.035.348.948	24,32%	99,56%
4	Tiền thưởng	1.370.005.000	-		
5	Phúc lợi tập thể	3.933.744.000	2.358.299.000		
6	Các khoản đóng góp	15.599.491.000	6.354.288.611	40,73%	108,46%
	Nhóm 2: Chi về hàng hóa, dịch vụ	768.713.877.000	112.355.378.324	14,62%	135,59%
7	Thanh toán dịch vụ công cộng	13.950.129.000	2.882.696.444	20,66%	97,74%
8	Vật tư văn phòng	8.839.458.000	1.062.018.066	12,01%	88,42%
9	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	1.261.568.000	266.020.507	21,09%	98,70%
10	Hội nghị	-	-		
11	Công tác phí	556.514.000	81.710.800	14,68%	145,03%
12	Chi phí thuê mướn	9.671.663.000	993.173.000	10,27%	107,09%
13	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	46.394.670.000	901.485.217	1,94%	49,36%
14	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	7.487.500.000	5.363.692.051	71,64%	536,41%
15	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	680.552.375.000	100.804.582.239	14,81%	135,06%
	Nhóm 3: Các khoản chi khác	7.674.327.000	4.469.143.488	58,23%	125,73%
17	Chi khác	7.382.185.000	4.469.143.488	60,54%	125,73%
18	và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp	277.142.000			

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
19	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	-	-		
20	Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm	15.000.000	-		
B	Trích bổ sung chi lương	2.273.636.000	412.184.631	18,13%	60,25%

Nơi nhận:

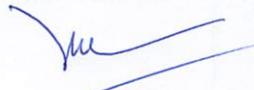
- Ban Giám đốc;
- Đăng Website BVĐKNT;
- Lưu TCKT.

Người lập bảng



Lê Nguyễn Kiều My

Kế toán trưởng



Phan Thụy Thu Vân

Ngày 06 tháng 4 năm 2026



Lê Huy Thạch